

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/5/2025

Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Bằng.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định** tham gia phiên tòa: ông Đỗ Mạnh Hùng, là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Trịnh Thị L, sinh năm 1995.

2. **Bị đơn:** anh Trần Văn T, sinh năm 1994.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: bà Trần Thị D, sinh năm 1968 (là mẹ đẻ của anh T).

Cùng nơi cư trú: tổ dân phố M, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị L, anh T và bà D đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Trần Văn T kết hôn với nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện

V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Chị L và anh T hiện nay đang sống ly thân với nhau, mỗi người một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị L xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa chị L và anh T có một con chung tên là Trần Trà M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2023. Hiện nay, con đang ở cùng với mẹ, sau ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị D là người đại diện theo pháp luật của anh Trần Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Giữa anh T và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 21 tháng 02 năm 2023. Do tính cách hai người không hợp nhau nên đã sống ly thân. Về con chung: Anh T và chị L có một con chung tên là Trần Trà M, hiện tại cháu M đang sống cùng với mẹ và ông bà ngoại. Chị L có yêu cầu ly hôn anh T và muốn được quyền trực tiếp nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Hiện tại, anh T có bệnh án tiền sử về bệnh chậm phát triển tâm thần có rối loạn hành vi, anh T có giấy xác nhận khuyết tật, dạng khuyết tật: thần kinh, tâm thần, trí tuệ và được hưởng chế độ bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp và đã sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị L và anh T.

Về con chung: Giữa chị L và anh T có một con chung tên là Trần Trà M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2023. Cháu M đang sống cùng với chị L và ông bà ngoại. Hiện tại, anh T sức khỏe không tốt có tiền sử chậm phát triển tâm thần từ nhỏ, rối loạn hành vi. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con và những vấn đề khác có liên quan khác: Chị L và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn T có bệnh án về bệnh chậm phát triển tâm thần có rối loạn hành vi, có giấy xác nhận khuyết tật, dạng khuyết tật: thần kinh, tâm thần, trí tuệ. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chị Trịnh Thị L và mẹ đẻ là bà Trần Thị D để họ thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự nhưng họ không yêu cầu. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Tòa án xét thấy cần thiết phải cử người giám hộ cho anh T là mẹ đẻ để đại diện cho anh T tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Văn T và người đại diện của bị đơn là bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị L và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa chị L và anh T không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị L ly hôn anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa chị L và anh T có một con chung dưới 03 tuổi tên là Trần Trà M hiện tại đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhiều lần được báo gọi đến Tòa án làm việc, để thể hiện quan điểm của mình nhưng anh T không đến và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Người đại diện của anh T đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xem xét nguyện vọng của chị L, quyền lợi về mọi mặt của con và căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, con chung sẽ được giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và bà D là người đại diện của anh T không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản. Do vậy, về tài sản Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị L ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Trà M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2023 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000

đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000996 ngày 26 tháng 02 năm 2025, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị L, anh Trần Văn T và bà Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản;
- Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V;
- Lưu: Văn phòng Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường